

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX (ĐÃ BAO
GỒM CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 30

HỌ TÊN M. S. V. N.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 họp ngày 15 tháng 05 năm 2014 đã ra những quyết định quan trọng sau:

+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũ, đồng thời bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới của Công ty.

+ Thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát áp dụng cho năm 2014.

+ Thông qua việc bổ nhiệm ông Lưu Đức Quang làm Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 16 tháng 05 năm 2014 (Theo Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐQT-ART ngày 16 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng quản trị).

+ Thông qua việc hợp tác đầu tư vào dự án Xây dựng khu Golf – Resort – Vui chơi giải trí cao cấp hồ Cẩm Quy, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Theo đó, Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng đầu tư số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty CP FLC Golf & Resort về việc đầu tư vào dự án “Khu sân Golf – Resort – Vui chơi giải trí cao cấp hồ Cẩm Quy” với số tiền: 119 tỷ đồng và đến ngày 30/7/2014 đã chuyển toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu lại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính - “Hướng dẫn về thành lập công ty chứng khoán”, Công ty nhận thấy việc ký kết và thực hiện hợp đồng trên chưa phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 44 của Thông tư nên Công ty đã làm việc lại với Công ty CP FLC Golf & Resort tại Biên bản làm việc ngày 31/12/2014. Theo đó, hai bên đồng ý hủy Hợp đồng số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 và Công ty CP FLC Golf & Resort phải trả lại số tiền đầu tư chậm nhất vào ngày 31/3/2015. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty CP FLC Golf & Resort đã thanh toán được cho Công ty số tiền là 30.882.838.888 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, quyết định nêu trên của Công ty đã tuân thủ các quy định của Thông tư số 210 và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm và rủi ro đối với việc thu hồi số dư của khoản đầu tư còn lại nêu trên.

2. Về khoản nợ phải trả cho bà Phạm Thị Thành Thủy số tiền 30 tỷ đồng, chưa được Đại hội cổ đông có ý kiến xử lý nên tạm thời vẫn theo dõi trên sổ sách kế toán. Hội đồng quản trị Công ty đã cân nhắc việc xử lý khoản nợ theo nguyên tắc “Thận trọng” của Chuẩn mực kế toán nên quyết định đưa vấn đề này ra Đại hội cổ đông để lấy ý kiến và xử lý trong năm 2015.

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng về các vấn đề nêu trên.

3. Theo các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, kể từ ngày 10/07/2014, bà Trần Thị Thu Hà sẽ giữ chức vụ Phụ trách kế toán thay cho ông Nguyễn Thiện Phú.

4. Theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, ông Lê Tiến Đông sẽ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 27/10/2014.

5. Trong kỳ, cổ đông lớn của Công ty là ông Đường Ngọc Hà đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần là 2.000.000 cổ phần cho các đối tượng sau:

+ Ông Nguyễn Văn Thanh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.008.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,47% số cổ phần của Công ty);

+ Ông Nguyễn Văn Mạnh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.010.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,48% số cổ phần của Công ty).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

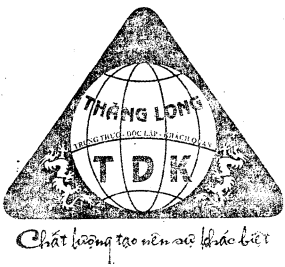
Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 147.3 /2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 14 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:

1. Trang năm 2014, Công ty đã ký kết và thực hiện Hợp đồng số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort về việc đầu tư vào dự án "Khu sân Golf - Resort - Vui chơi giải trí cao cấp hồ

Cầm Quỳ" với giá trị 119 tỷ đồng (chiếm 88% Vốn điều lệ) là chưa phù hợp với quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên tháng 12/2014, Công ty đã khắc phục bằng cách hủy hợp đồng và thu hồi khoản đầu tư. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đã thu hồi được 30.882.838.888 đồng.

2. Khoản công nợ phải trả bà Phạm Thị Thành Thủy số tiền 30.666.500.000 đồng chưa được Công ty xử lý trong năm tài chính 2014.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TÙ QUYNH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.021.530.336	140.672.877.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		60.386.763.578	12.347.914.805
1. Tiền	111	V.01	60.386.763.578	12.347.914.805
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		126.125.526.879	121.950.346.736
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	129.573.740.322	122.264.380.719
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.448.213.443)	(314.033.983)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	3.312.485.398	6.349.192.728
1. Phải thu khách hàng	131		141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		475.250.296	368.632.500
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		31.689.459.991	29.815.450.117
5. Các khoản phải thu khác	138		31.734.339	622.091.312
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.024.959.228)	(24.597.981.201)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		196.754.481	25.423.332
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	121.739.000	10.247.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	75.015.481	15.176.332
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.294.835.004	2.590.062.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		2.904.016.000	144.442.136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	16.516.000	144.442.136
- Nguyên giá	222		9.278.926.988	9.278.926.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.262.410.988)	(9.134.484.852)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.887.500.000	0
- Nguyên giá	228		6.933.125.948	3.963.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.045.625.948)	(3.963.125.948)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.390.819.004	2.445.620.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	33.779.236	216.548.516
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.357.039.768	2.229.072.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.316.365.340	143.262.940.314

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		89.443.837.399	61.638.084.160
I. Nợ ngắn hạn	310		89.443.837.399	61.638.084.160
2. Phải trả người bán	312	V.09	352.305.200	702.210.708
3. Người mua trả tiền trước	313		198.700.000	388.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.442.647.289	301.328.129
5. Phải trả người lao động	315		787.714.432	662.570.381
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.066.859.630	2.728.925.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	30.111.893.929	30.124.813.524
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		54.080.656.386	24.825.902.135
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		0	573.750
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.872.527.941	81.624.856.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	105.872.527.941	81.624.856.154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(30.206.183.544)	(54.153.855.331)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.316.365.340	143.262.940.314

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		408.318.930.000	449.170.270.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		133.408.840.000	303.473.040.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		3.661.120.000	58.670.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		129.747.720.000	303.414.370.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		170.050.000.000	50.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		170.050.000.000	50.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		10.162.200.000	145.632.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		10.162.200.000	145.632.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		94.697.890.000	15.230.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	44.461.564.235	41.959.490.564
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12.516.860.828	1.402.524.319
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		644.794.107	652.693
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		286.947.243	220.643.783
- Doanh thu khác	01.9		30.817.507.522	40.062.942.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		44.461.564.235	41.959.490.564
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	7.754.460.919	11.296.891.150
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		36.707.103.316	30.662.599.414
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	12.507.107.439	52.297.891
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.199.995.877	30.610.301.523
8. Thu nhập khác	31		80.121.705	306.457.893
9. Chi phí khác	32		32.445.795	86.712.000.000
10. Lợi nhuận khác	40		47.675.910	(86.405.542.107)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.247.671.787	(55.795.240.585)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.17	0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.247.671.787	(55.795.240.585)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.796	(4.133)

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

TRẦN THỊ THU HÀ



LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	30.359.794.829	11.604.273.370
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(26.914.056.848)	(1.765.954.259)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	4.987.667.650.782	714.111.538.865
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(4.792.187.590.128)	(793.491.024.001)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(165.047.100.000)	(10.160.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(10.623.316.884)	(6.867.261.343)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.737.324.323)	(2.111.396.150)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(21.434.188)	(182.744.331)
12. Tiền thu khác	14	356.905.337	7.245.362.470
13. Tiền chi khác	15	(5.401.153.067)	(100.077.638.415)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>16.452.375.510</i>	<i>(81.545.003.794)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.842.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(119.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	122.448.438.888	86.692.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.138.034.375	1.127.303
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>31.586.473.263</i>	<i>90.535.527.303</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	48.038.848.773	8.990.523.509
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.347.914.805	3.357.391.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	60.386.763.578	12.347.914.805

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán



NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

TRẦN THỊ THU HÀ

LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0	0	0	0	0	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính		539.355.743	539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		539.355.742	539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận chưa phân phối		1.341.385.254	(54.453.855.331)	0	55.795.240.585	24.247.671.787	0	(54.453.855.331)	(30.206.183.544)
Cộng		137.420.096.739	81.624.856.154	0	55.795.240.585	24.247.671.787	0	81.624.856.154	105.872.527.941

Người lập

Phụ trách kế toán

Ngày lập: 14 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



NGƯỜI CHẾ BIẾN: NGUYỄN PHƯƠNG

TRẦN TỰ THỦY HÀ

LƯU ĐỨC QUANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:***2.1. Nguyên tắc ghi nhận:***

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Số trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm là: 4.426.978.027 đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 3 năm
- Phương tiện vận tải 5 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	x	Vốn đầu tư của doanh nghiệp <hr style="width: 80%; margin: 0 auto;"/> Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế
--	---	---	---	------------------------	---	---

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch tẩu sấu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm là: 3.134.179.460 đồng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bảo chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông

báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN.**

01. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	408.062.622	4.904.462
- Tiền gửi ngân hàng	24.916.759.376	4.698.236.501
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	6.231.220.058	4.523.727.883
+ Tiền gửi của Công ty	18.685.539.318	174.508.618
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	35.061.941.580	7.644.773.842
Cộng	60.386.763.578	12.347.914.805

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	2.842.960	51.481.311.329
- Cổ phiếu	2.842.960	51.481.311.329
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	311.607.535	4.077.574.311.371
- Cổ phiếu	311.607.535	4.077.574.311.371
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	314.450.495	4.329.355.622.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

02. Đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường				Ghi chú		
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm				
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
II. Chứng khoán đầu tư	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.48.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736	(1)
- Cổ phiếu	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III. Đầu tư góp vốn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0	118.117.161.112	121.565.600.000	0	0	0	0	118.117.161.112	121.565.600.000	
+ Công ty TNHH Newland Holdings VN	0	0	0	121.565.600.000	0	0	0	0	0	121.565.600.000	
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	0	0	118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	0	
Tổng cộng	596.810	36.226	129.573.740.322	122.264.380.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	126.125.992.067	121.950.346.736	

(1) Thuyết minh chi tiết tại Phụ Lục I

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

03. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Trong kỳ	Số cuối năm		Số dư phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Tăng	Giảm		Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	141.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	368.632.500	-	3.490.334.412	3.383.716.616	475.250.296	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	3.955.054.236	2.081.044.362	31.689.459.991	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	1.185.007.366	2.081.044.362	28.919.413.121	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228
- Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	-	-	2.770.046.870	-	2.770.046.870	-	-	-
5. Phải thu khác	622.091.312	-	33.357.832.466	33.948.189.439	31.734.339	-	-	-
- Lãi phải thu từ các Hợp đồng uỷ thác đầu tư	617.161.112	-	28.314.324.672	28.905.217.253	26.268.531	-	-	-
+ Công ty TNHH Newland Holdings (Việt Nam) trước là Công ty TNHH BDS SG Invest (2)	-	-	28.314.324.672	28.288.056.141	26.268.531	-	-	-
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort (1)	617.161.112	-	-	617.161.112	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	4.930.200	-	5.043.507.794	5.042.972.186	5.465.808	-	-	-
Tổng cộng:	30.947.173.929	29.935.682.559	41.018.221.114	39.627.950.417	32.337.444.626	29.060.413.121	29.060.413.121	29.024.959.228

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
04. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Phí dịch vụ Internet	1.997.000	10.247.000
- Phần mềm máy tính	18.509.000	0
- Chi phí công cụ dụng cụ	65.174.000	0
- Chi phí khác	36.059.000	0
Cộng	121.739.000	10.247.000
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	65.015.481	15.176.332
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	0
Cộng	75.015.481	15.176.332

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
Số dư cuối năm	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.748.605.140	1.998.957.300	286.922.412	9.134.484.852
- Khấu hao trong năm	127.926.136	-	-	127.926.136
Số dư cuối kỳ	7.876.531.276	1.998.957.300	286.922.412	9.162.410.988
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu năm	144.442.136	-	-	144.442.136
- Tại ngày cuối năm	16.516.000	-	-	16.516.000

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
- Mua trong năm	2.970.000.000	-	2.970.000.000
Số dư cuối năm	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
- Khấu hao trong năm	82.500.000	-	82.500.000
Số dư cuối kỳ	2.680.843.400	1.364.782.548	4.045.625.948
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH			
- Tại ngày đầu năm	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	2.887.500.000	-	2.887.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
08. Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.182.900	175.989.950
- Chi phí khác	7.596.336	10.558.566
Cộng	33.779.236	186.548.516
09. Phải trả người bán		
- Công ty CP FLC Land	0	406.386.983
- Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	145.000.000	0
- Công ty Luật TNHH SMIC	191.159.100	191.159.100
- Các đối tượng khác	16.146.100	134.664.625
Cộng	352.305.200	732.210.708
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế thu giá trị gia tăng	0	27.272.728
- Thuế thu nhập cá nhân	2.442.647.289	274.055.401
Cộng	2.442.647.289	301.328.129
11. Chi phí phải trả		
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thành Thuỷ (1)	666.500.000	666.500.000
- Chi phí thuê văn phòng	0	2.829.000.000
- Chi phí tư vấn	172.425.000	172.425.000
- Chi phí khác	227.934.630	0
Cộng	1.066.859.630	3.778.925.000
12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	38.671.998	15.892.183
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.682.328	49.566.873
- Phạm Thị Thanh Thuỷ (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản khác	71.539.603	59.354.468
Cộng	30.111.893.929	30.124.813.524

(1) Lãi và gốc của Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên uỷ thác là bà Phạm Thị Thanh Thuỷ. Hợp đồng đã hết hạn ngày 21/1/2011 và chưa được gia hạn thêm.

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I- Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	-	-	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	-	-	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(54.453.855.331)	24.247.671.787	-	(30.206.183.544)
Tổng cộng	81.624.856.154	24.247.671.787	-	105.872.527.941

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của tổ chức và cá nhân
Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	135.000.000.000	135.000.000.000
	135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
+ Vốn góp đầu năm
+ Vốn góp tăng trong năm
+ Vốn góp giảm trong năm
+ Vốn góp cuối năm
Cổ tức và lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	135.000.000.000	135.000.000.000
	0	0
	0	0
	135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

	Cuối năm	Đầu năm
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
14. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.516.860.828	1.302.524.319
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	644.794.107	652.693
- Doanh thu hoạt động tư vấn	195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	286.947.243	220.643.782
- Doanh thu khác	30.817.507.521	40.262.942.497
<i>Trong đó: Lãi uỷ thác đầu tư</i>	<i>28.314.324.672</i>	<i>12.443.200.001</i>
Cộng	44.461.564.235	41.859.490.564
15. Chi phí hoạt động kinh doanh		
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	3.323.063.304	725.250.394
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.012.838.569	57.052.315
- Chi phí hoạt động tư vấn	210.000.000	0
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	0	0
- Chi phí dự phòng	3.134.179.460	32.751.053
- Chi phí khác	74.379.586	9.781.837.388
Cộng	7.754.460.919	13.496.891.150
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.429.509.859	3.009.853.907
- Chi phí khấu hao TSCĐ	210.426.136	262.319.300
- Thuế, phí, lệ phí	92.445.772	27.342.752
- Dự phòng	4.677.572.809	(10.959.389.337)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.890.263.247	7.320.919.269
- Chi phí bằng tiền khác	206.889.616	291.252.000
Cộng	12.507.107.439	52.297.891
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành		<u>Năm nay</u>
1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế		24.247.671.787
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN		0
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		21.434.188
4. Số lỗ kết chuyển		24.269.105.975
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm(4=1-2+3-4)		0
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành(5=4x22%)		0

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	60.386.763.578	60.386.763.578
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	129.573.740.322	129.525.526.879
- Các khoản phải thu khách hàng	141.000.000	-
- Trả trước cho người bán	475.250.296	475.250.296
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	31.689.459.991	-
- Phải thu khác	31.734.339	31.734.339

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 31/12/2014
- Phải trả người bán	252.305.200
- Người mua trả tiền trước	198.700.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	54.380.656.386
- Chi phí phải trả	1.066.859.630
- Phải trả khác	30.111.893.929

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	352.305.200		352.305.200
- Người mua trả trước	198.700.000		198.700.000
- Phải trả khác	30.111.893.929		30.111.893.929
- Chi phí phải trả	1.066.859.630		1.066.859.630
- Phải trả hoạt động gd CK	54.080.656.386		54.080.656.386

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K).

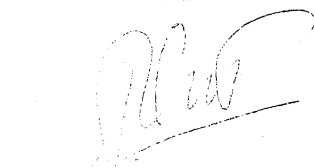
3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.
Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

4. Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm:

Các bên liên quan	Chức vụ	Cổ tiền (VND)
Thủ lao Hội đồng Quản Trị		
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT cũ	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	16.000.000
Ông Đường Ngọc Hà	Thành viên	8.000.000
Ông Dương Kim Ngọc	Thành viên	8.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT mới	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	16.000.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	20.000.000
Thủ lao Ban kiểm soát		
Ông Lưu Đức Quang	Trưởng ban cũ, TV HĐQT mới	24.000.000
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	8.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	8.000.000
Ông Phan Văn Trường	Thành viên	4.000.000
Ông Lê Đình Vinh	Thành viên	4.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban mới	16.000.000
Thủ lao Ban Giám đốc		
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	264.066.667
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	59.869.565

Người lập



LƯU ĐỨC QUANG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ



LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

PHỤ LỤC 1

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
I. Chứng khoán thương mại									
- Cổ phiếu									
- Trái phiếu									
- Chứng chỉ quỹ									
- Chứng khoán khác									
II. Chứng khoán đầu tư									
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	(3.448.213.443)	8.008.830.955	384.746.736		
- Cổ phiếu	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	(3.448.213.443)	8.008.830.955	384.746.736		
EVE	6	6	157.744	157.744		157.800	174.000		
(ITASCO)	5.000	5.000	110.000.000	110.000.000		110.000.000	110.000.000		
BVS	0	60	0	1.069.384		(391.384)	0	678.000	
CDC	5	5	0	0		0	46.500	27.500	
CIC	82	82	697.500	697.500		(549.900)	697.500	147.600	
CSC	8	80	0	1.528.000	0	(792.000)	68.055	736.000	
CTG	3	3	69.646	69.646	(28.246)	(21.046)	41.400	48.600	
DCS	0	61	0	397.300		(159.400)	0	237.900	
DIG	8	7	127.797	127.797	(22.997)	(40.997)	104.800	86.800	
DQC	8	8	191.300	191.300		0	440.000	269.600	
DTL	7	7	121.100	121.100	(56.000)	(38.500)	65.100	82.600	
EIB	6	16	72.450	193.200	(116.400)	0	76.800	200.000	
FPT	2	2	102.600	102.600	(6.600)	(8.400)	96.000	94.200	
GGG	72	72	499.980	499.980	(391.980)	(370.380)	108.000	129.600	
GMD	6	6	141.600	141.600		0	173.400	201.600	
HAI	366.060		8.544.861.730		(3.090.567.730)		5.454.294.000		
HAP	0	0	66.500	66.500		(7.100)	72.900	53.400	
HBS	0	70	0	917.000		(588.000)	0	329.000	
HLG	5	15	42.667	128.000	(25.667)	(42.500)	17.000	85.500	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

SHS	0	92	0	984.400		(441.600)	0	542.800
SJE	0	20	0	288.000		0	0	320.000
SJS	5	5	230.500	230.500	(105.000)	(138.000)	125.500	92.500
SRC	7	7	154.933	154.933		(18.433)	238.000	136.500
SSM	0	21	0	306.600		(123.900)	0	182.700
STB	4	4	54.464	54.464		0	72.000	68.800
TCM	2	2	35.000	35.000		0	64.000	41.200
TECHCOMBANK	25,348	25,348	487.009.600	487.009.600	(225.925.200)	(234.290.040)	261.084.400	252.719.560
TKC	0	93	0	1.062.500		(718.400)	0	344.100
TLH	9	9	66.600	66.600		0	80.100	67.500
V11	48	48	475.200	475.200	(388.800)	(422.400)	86.400	52.800
VCG	0	20	0	430.904		(228.904)	0	202.000
VCS	0	54	0	992.000		(279.200)	0	712.800
VNC	0	66	0	1.000.000		(148.600)	0	851.400
VPH	5	5	85.500	85.5	(33.000)	(43.000)	52.500	42.500
VSP	20	20	423.907	423.907	(387.907)	(393.907)	36.000	30.000
- Trái phiếu chính phủ (chi tiết danh mục trái phiếu chính phủ bị giảm giá/rủi ro)								
- Trái phiếu công ty (chi tiết danh mục trái phiếu công ty bị giảm giá/rủi ro)								
- Chứng chỉ quỹ (chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro)								
- Chứng khoán khác (có phiếu OTC không xác định được giá thị trường)								

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập

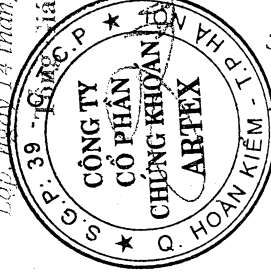
Phụ trách kế toán



NGUYỄN THỊ THANE PHƯƠNG



TRẦN THỊ THU HÀ



LƯU ĐỨC QUANG